

UNIT 4:

MUSIC AND ARTS

SKILLS 1

- present- show	(v): trình diễn
- follow tradition	(v): theo truyền thống
- event	(n): sự kiện
- perfect	(adj): hoàn hảo
- in the centre of	: ở trung tâm của
- artist	(n) : nghệ sĩ
- stand-stood-stood	(v): đứng
- screen	(n): màn hình
- string	(n): dây
- control	(v): điều khiển
- move	(v) : di chuyển, chuyển động
- traditional art form	(n): hình thức n.thuật t.thống
- tourist	(n) : khách du lịch
- wish	(v) :ước, muốn
- duration	(n): khoảng thời gian
- item contributed	(v): tiết mục đóng góp